

Về mối liên kết giữa sản xuất và tiêu thụ nông sản trong giai đoạn công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn ở Việt Nam

TS. NGUYỄN XUÂN DŨNG*

Cùng với khu vực công nghiệp và dịch vụ, khu vực nông nghiệp đã đóng góp phần quan trọng vào thành tựu phát triển kinh tế – xã hội của đất nước trong 20 năm thực hiện công cuộc đổi mới vừa qua ở Việt Nam, trong đó mối liên kết sản xuất và tiêu thụ các mặt hàng nông sản giữ một vai trò quan trọng.

I. THỰC TRẠNG LIÊN KẾT GIỮA SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN VÀ TIÊU THỤ NÔNG SẢN Ở NƯỚC TA THỜI GIAN QUA

Nhìn một cách tổng quát, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách quan trọng về đẩy mạnh công nghiệp hoá nông nghiệp, nông thôn, về đổi mới chính sách tín dụng, đầu tư, hỗ trợ phát triển kết cấu hạ tầng và chuyển giao công nghệ - kỹ thuật cho nông nghiệp nói chung, khuyến khích phát triển sản xuất, chế biến và tiêu thụ các mặt hàng nông sản nói riêng, kể cả việc ký các Hiệp định thương mại quốc tế, khen thưởng xuất khẩu từ quỹ bình ổn giá... Đặc biệt, ngày 24 tháng 6 năm 2002, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg về “Chính sách khuyến khích tiêu thụ nông sản hàng hoá thông qua hợp đồng”, theo đó, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Thủy sản đã có Thông tư hướng dẫn thực hiện, như: hỗ trợ

lãi suất vốn vay, giảm thuế thu nhập, miễn giảm thuế nhập khẩu đối với thiết bị chế biến; khuyến khích chế tạo máy móc thiết bị chế biến sản phẩm nông nghiệp sau thu hoạch, tạo điều kiện xây dựng mặt bằng phục vụ sản xuất kinh doanh...

Thực hiện các chính sách nói trên, trong thời gian qua, mối liên kết chặt chẽ và có hiệu quả giữa “4 nhà” bao gồm: nhà nước, các chủ thể nông nghiệp (nhà nông) với các chủ thể kinh tế khác trên thị trường (nhà doanh nghiệp) và nhà khoa học. Trong lĩnh vực sản xuất và tiêu thụ nông sản hàng hoá ở nước ta, tùy nhu cầu và khả năng của các chủ thể có liên quan mà từng chủ thể xác định trách nhiệm của mình trong các hợp đồng liên kết. Các quan hệ liên kết kinh tế có thể gồm: liên kết hai bên (giữa nông dân với các doanh nghiệp công nghiệp chế biến nông sản; nông dân với các doanh nghiệp thương mại; nông dân với các cơ quan và tổ chức nghiên cứu khoa học), hoặc liên kết ba bên (giữa nông dân với các doanh nghiệp công nghiệp chế biến và doanh nghiệp thương mại), hoặc liên kết bốn bên (giữa nông dân với các doanh nghiệp công nghiệp chế biến, doanh nghiệp thương mại và các cơ quan và tổ chức nghiên cứu khoa học)...

Những nỗ lực trong lĩnh vực sản xuất nông sản hàng hoá bước đầu đã góp phần

* Nhà xuất bản Khoa học xã hội.

vào việc chuyển dịch cơ cấu trong nội bộ ngành nông nghiệp. Cơ cấu diện tích các loại cây trồng đã thay đổi theo hướng tích cực, đem lại hiệu quả kinh tế cao, nhất là các cây phục vụ xuất khẩu. Các mặt hàng nông sản tham gia xuất khẩu đã tạo được chỗ đứng trên thị trường quốc tế, chẳng hạn, năm 2005, Việt Nam đứng thứ nhất thế giới về xuất khẩu hạt tiêu, thứ hai về gạo, cà phê và hạt điều, và thứ tư về cao su. Tỷ trọng hàng nông sản xuất khẩu chiếm khoảng 30-35% tổng khối lượng hàng nông sản. Thị trường tiêu thụ nông sản đã được mở rộng, ngoài những thị trường truyền thống, từng bước thâm nhập vào một số thị trường mới. Nhiều hợp đồng sản xuất, chế biến và tiêu thụ các mặt hàng nông sản đã được ký kết, góp phần vào đẩy mạnh xuất khẩu hàng nông sản. Nó không chỉ trở thành một trong những nguồn thu ngoại tệ quan trọng cho sự phát triển của nền kinh tế, mà đã có tác động tích cực đến sản xuất nông nghiệp, đồng thời mang lại lợi ích cho các chủ thể tham gia.

Phát huy lợi thế so sánh của từng vùng, một số vùng trọng điểm, vùng động lực và vùng chuyên canh sản xuất nông phẩm hàng hoá (chuyên môn hoá cây trồng, vật nuôi...) đã được hình thành. Các xí nghiệp quy mô vừa và nhỏ gắn với cơ sở nguyên liệu nông nghiệp đã xuất hiện ở nhiều nơi. Một số ngành công nghiệp chế biến có công nghệ và thiết bị tương đối hiện đại ngang với trình độ khu vực và thế giới như xay xát gạo, chế biến mía đường, bánh kẹo... Công nghiệp chế biến nông sản đã có bước phát triển tích cực, với hàng chục ngàn cơ sở, quy mô khác nhau thuộc các thành phần kinh tế phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu, đem lại những tác động tích cực cho quá trình CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn.

Thông qua sự liên kết giữa nông dân, doanh nghiệp và nhà khoa học, khoa học và

công nghệ mới đã được áp dụng vào sản xuất, chế biến góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và hàm lượng công nghệ cũng như hiệu quả một số mặt hàng nông sản, đánh dấu sự khởi đầu của việc chuyển sang nền nông nghiệp hàng hoá. Một số mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất như trồng rau sạch ở thành phố Hồ Chí Minh, trồng hoa ở Đà Lạt (Lâm Đồng), Mê Linh (Vĩnh Phúc), Hà Nội, nhà lưới vườn ươm cây giống ở Bến Tre, bưởi Phúc Trạch (Hà Tĩnh), bưởi Năm Roi (Vĩnh Long)... Điển hình cho thành công của các hợp đồng liên kết sản xuất và kinh doanh các mặt hàng nông sản đã được ký kết giữa doanh nghiệp, nông dân và nhà khoa học... có thể kể đến như: Nông trường sông Hậu, Công ty bông Việt Nam, Công ty sữa Việt Nam (Vinamilk), Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn... Hoặc vừa qua, hệ thống siêu thị bán sỉ METRO đã ký hợp đồng tiêu thụ sản phẩm của 12 nhà sản xuất nông sản ở Thành phố Hồ Chí Minh⁽¹⁾.

Trong liên kết sản xuất và kinh doanh lúa gạo, các doanh nghiệp chủ yếu là các công ty kinh doanh lương thực trung ương và ở cấp tỉnh, một số doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần liên doanh buôn bán lớn đã liên kết với nông dân trong hoạt động tiêu thụ lúa gạo. Nhiều doanh nghiệp kinh doanh cả ở khâu thu mua, chế biến, bán buôn trong nước và xuất khẩu. Việc mua bán thông qua ký kết hợp đồng hoặc hợp đồng uỷ thác. Khối lượng mua bán, chất lượng, chủng loại, giá cả, thời hạn, địa điểm giao hàng và phương thức thanh toán do doanh nghiệp và người nông dân tự thỏa thuận, nhưng chủ yếu là thông qua các đại lý, doanh nghiệp đầu mối, trung gian. Hoặc mua bán trực tiếp theo thỏa thuận, hợp đồng gia công xay xát, ký gửi đại lý tiêu thụ và nhiều hình thức linh hoạt khác. Các doanh nghiệp kinh doanh gạo lớn nhất hiện nay ở nước ta như: Tổng công ty lương thực

miền Bắc (Vinafood I) và Tổng công ty lương thực miền Nam (Vinafood II). Từ nhiều năm trở lại đây, kết quả của việc liên kết giữa doanh nghiệp và nhà nông đã đưa gạo trở thành mặt hàng chủ lực tham gia vào lĩnh vực xuất khẩu của nước ta.⁽²⁾

Tuy nhiên, một trong những khó khăn lớn nhất của việc phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn, nhất là việc thâm nhập thị trường thế giới, là Nhà nước chưa kịp thời đề ra các cơ chế chính sách, định hướng phát triển cho khu vực nông nghiệp nông thôn một cách cụ thể. Sự liên kết giữa “4 nhà” chưa chặt chẽ, chưa mang lại hiệu quả như mong muốn, dẫn đến việc đưa tiến bộ khoa học công nghệ vào khu vực sản xuất và chế biến các mặt hàng nông sản còn chậm. Các doanh nghiệp chưa chú trọng đầu tư đúng mức vào công nghiệp chế biến nông sản; tỷ trọng nông sản được chế biến chưa cao, nên khả năng cạnh tranh còn thấp, chưa tạo được thế đứng vững chắc trên thị trường; tình trạng nhiều mặt hàng nông sản khó tiêu thụ hoặc có tiêu thụ được thì giá thấp hơn giá thành. Sản phẩm xuất khẩu ở khu vực nông nghiệp có xu hướng giảm đi rõ rệt trong tổng cơ cấu hàng xuất khẩu của cả nước (từ 29% năm 2000 xuống 24,4% năm 2005).

Công tác quy hoạch còn nhiều bất cập, việc đầu tư cho vùng nguyên liệu ở một số nơi không phù hợp với công suất nhà máy chế biến nông sản. Tình trạng nguyên liệu không đủ cung cấp cho nhà máy sản xuất, nhà máy hoạt động cầm chừng, năng suất thấp khá phổ biến⁽³⁾. Ở một số vùng nguyên liệu với quy mô lớn, vượt khả năng chế biến của nhà máy, giá thu mua rẻ nhưng nông sản hàng hoá vẫn thừa, đẩy người nông dân vào tình trạng khó khăn. Hoặc việc quy hoạch vùng chuyên canh trái cây đặc sản có quy mô lớn theo từng địa phương ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (theo thoả thuận

liên kết sản xuất và tiêu thụ trái cây an toàn khu vực sông Tiền (GAP sông Tiền) giữa Hiệp hội Trái cây Việt Nam và các tỉnh Bến Tre, Đồng Tháp, Long An, Tiền Giang, Vĩnh Long và thành phố Hồ Chí Minh) chưa thực hiện được nên không thể áp dụng kỹ thuật tiên tiến vào trồng cây ăn quả, dẫn đến nhiều hộ nông dân trồng cây ăn quả ở đây đã tự liên kết thành lập các tổ sản xuất, hợp tác xã sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Trong một số trường hợp, việc thực hiện hợp đồng giữa doanh nghiệp và nông dân gặp rủi ro, bất khả kháng (đầu ra của sản phẩm gặp khó khăn hoặc nguyên liệu dư thừa...) thì doanh nghiệp thường không thực hiện đúng cam kết tiêu thụ nông sản đã ký với nông dân, nhiều doanh nghiệp không có trách nhiệm với nông dân hoặc ép giá, nhất là trong trường hợp hai bên không thống nhất được điều khoản chia sẻ⁽⁴⁾. Ngược lại, không ít trường hợp, mặc dù hợp đồng liên kết giữa doanh nghiệp và nông dân đã được ký kết, nhưng nông dân tự ý bán non, bán phá giá các mặt hàng nông sản, với lý do doanh nghiệp từ chối không thu mua hết sản phẩm trong mùa bội thu. Lợi dụng điều này tư thương tiến hành ép giá khiến nông dân “lao đao”. Đến mùa sau, nông dân tự giảm diện tích hoặc khi giá nguyên liệu tăng cao thì một số nông dân “phá hợp đồng” bán sản phẩm ra ngoài, đẩy doanh nghiệp vào hoàn cảnh khó khăn.

Có thể nói, so với yêu cầu phát triển nền sản xuất nông nghiệp bền vững thì mức độ phát triển của khu vực nông nghiệp và nông thôn chưa đạt yêu cầu. Đặc biệt, ngưỡng cửa hội nhập đã cận kề, nhưng vẫn chưa có sự liên kết, đầu tư bài bản cho sản xuất, chế biến và tiêu thụ các mặt hàng nông sản giữa các chủ thể trong nền kinh tế. Các ngành trong nội bộ khu vực kinh tế nông thôn chưa có sự gắn kết, hỗ trợ nhau

phát triển trong một tổng thể thống nhất dưới định hướng phát triển của Nhà nước.

Do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan khác nhau, nhưng có thể thấy rằng, một số cơ chế chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp nói chung, nông sản hàng hoá nói riêng của Nhà nước chưa đồng bộ; công tác quy hoạch các vùng trọng điểm, vùng động lực và vùng chuyên canh sản xuất nông sản hàng hoá chưa thực sự dựa trên nhu cầu của thị trường. Một số hợp đồng kinh tế giữa nông dân và doanh nghiệp đã được triển khai nhưng thiếu sự hỗ trợ của các nhà khoa học cũng như của các cơ quan quản lý nhà nước liên quan trong lĩnh vực thương mại, trong đó vốn đầu tư dành cho phát triển sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản luôn là vấn đề bức xúc. Nhiều hợp đồng liên kết tiêu thụ nông sản đã được ký kết giữa doanh nghiệp và nông dân còn bất cập, thiếu chuẩn mực⁽⁵⁾ và chưa "bình đẳng". Trong khi các doanh nghiệp được tư vấn về pháp luật thì hầu hết người nông dân không có kiến thức về hợp đồng kinh tế, mặc dù đã có hướng dẫn mẫu hợp đồng tiêu thụ nông sản⁽⁶⁾, nhưng trên thực tế thì hình như nông dân không được trợ giúp pháp lý.

Cần nhấn mạnh là phần lớn nông dân không chỉ thiếu kinh nghiệm về tổ chức sản xuất, kỹ thuật sản xuất mà còn thiếu cả thông tin về khoa học công nghệ mới, về giá cả, thị trường, công nghệ bảo quản sản phẩm sau thu hoạch, bao bì, marketing... mặt khác, lại đang tồn tại tập quán sản xuất theo "phong trào" mà không cần biết tiêu thụ sản phẩm ở đâu, giá cả thế nào? Và ngay cả đối với một số doanh nghiệp chế biến, kinh doanh hàng nông sản cũng gặp những khó khăn về kinh nghiệm, năng lực quản lý, tổ chức sản xuất...

Như vậy, với những chính sách khuyến khích tiêu thụ nông sản hàng hoá thông

qua hợp đồng của Nhà nước, mối liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản giữa các bên liên kết đã góp phần tăng nhanh cả về số lượng lẫn chất lượng mặt hàng nông sản phục vụ cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu, đóng góp quan trọng vào sự phát triển của khu vực nông nghiệp, nông thôn trong quá trình CNH, HĐH đất nước. Tuy nhiên, nội dung và điều kiện bảo đảm cho tính hiệu quả và bền vững của các mối liên kết này trong sản xuất và tiêu thụ nông sản cũng như vai trò, vị trí của mỗi bên tham gia liên kết cần được xác định rõ hơn, nhất là trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH LIÊN KẾT GIỮA SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN VÀ TIÊU THỤ NÔNG SẢN Ở NƯỚC TA TRONG THỜI GIAN TỚI

Quá trình CNH, HĐH đất nước nói chung, CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn của Việt Nam nói riêng vừa có được điểm xuất phát mới do quá trình đổi mới thời gian qua đem lại, lại vừa chịu sự tác động ảnh hưởng rất lớn của bối cảnh quốc tế mới này. Điểm xuất phát mới của nền kinh tế nước ta đã có những thay đổi căn bản, năng lực hiện có về công nghiệp, dịch vụ, cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội ở nông thôn đã được nâng cao một bước; lực lượng lao động trong khu vực nông nghiệp dồi dào; điều kiện khí hậu, thiên nhiên thuận lợi để phát triển nền nông nghiệp toàn diện.

Bên cạnh những cơ hội cho phát triển, nước ta tiến hành CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, quy mô nhỏ; thu nhập quốc dân tính theo đầu người còn rất thấp, đa số dân cư sống ở nông thôn với nguồn sống chủ yếu dựa vào nông nghiệp; cơ cấu kinh tế lạc hậu nghiêng về sản xuất nông nghiệp và công nghiệp truyền thống; khả năng cạnh tranh còn thấp; lao động nông nghiệp thiếu việc làm có xu hướng gia tăng... Một thách thức

không nhỏ đến phát triển của khu vực nông nghiệp, nông thôn là việc Việt Nam tham gia ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế khu vực và quốc tế, nhất là khi trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), nước ta phải chấp nhận cạnh tranh trên nhiều lĩnh vực; đặc biệt, phải chịu sự chi phối bởi việc bỏ trợ cấp xuất khẩu đối với hàng nông sản - vấn đề nhạy cảm nhất trong đàm phán Doha.

Từ một nền kinh tế nông nghiệp tự cung, tự cấp chuyển sang một nền kinh tế hàng hoá cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường trong nước và xuất khẩu, đòi hỏi phải định hướng lại sản xuất nông nghiệp theo yêu cầu của thị trường trong tình hình mới. Xây dựng cơ cấu sản xuất nông nghiệp hợp lý, điều chỉnh quy hoạch cho các nhóm ngành cơ bản trong khu vực nông nghiệp. Nói cách khác là tiến trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn phải đáp ứng một thách thức cơ bản là vừa tận dụng tối đa các lợi thế sẵn có của đất nước, vừa tạo ra các lợi thế so sánh mới và từng bước biến chúng thành lợi thế cạnh tranh quốc tế, mà thực chất là cải thiện nhanh chóng trình độ của nền kinh tế, nâng cao sức cạnh tranh quốc tế của các sản phẩm trong khu vực nông nghiệp nói chung, các mặt hàng nông sản nói riêng. Do đó, một trong những định hướng phát triển từ nay đến 2010 đã được Đại hội đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ X xác định là "...Phải luôn luôn coi trọng đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn hướng tới xây dựng một nền nông nghiệp hàng hoá lớn, đa dạng, phát triển nhanh và bền vững, có năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh cao..." (*Văn kiện Đại hội X, tr. 191*).

Vì vậy, để đẩy mạnh việc liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản trong thời gian tới, cần tiến hành đồng thời một hệ thống các giải pháp đồng bộ, trong đó

bao gồm một số giải pháp được coi là chủ yếu sau:

Thứ nhất, Nhà nước cần xây dựng chiến lược phát triển nền nông nghiệp hàng hoá lớn trong giai đoạn trung và dài hạn; thông qua các công cụ, thể chế và các hình thức thích hợp trong từng thời kỳ cụ thể, cần có chính sách mặt hàng, chính sách thị trường và chính sách hỗ trợ để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường, có khả năng đứng vững và vươn lên trong điều kiện cạnh tranh và hội nhập; quy hoạch các vùng sản xuất nông sản hàng hoá lớn, tập trung gắn với xây dựng công nghiệp chế biến, bảo đảm hàng nông sản có năng suất, chất lượng cao, sức cạnh tranh mạnh trên thị trường nội địa và xuất khẩu; có biện pháp đảm bảo cho sự vận hành thông suốt và lành mạnh của thị trường cung ứng các dịch vụ đầu vào cũng như trong tiêu thụ nông sản, mở rộng phạm vi và nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ nông nghiệp như: trợ giúp kỹ thuật, hỗ trợ tài chính và hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm, kiểm tra giám sát chất lượng tiêu chuẩn các mặt hàng nông sản...

Phát triển mạng lưới cung cấp thông tin thị trường, bao gồm tổ chức hoạt động và hình thành hệ thống phân tích thị trường (cập nhập thông tin thị trường và dự báo thị trường), tư vấn kinh doanh thương mại, marketing sản phẩm cho khu vực nông thôn; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, trước hết là đường giao thông; thúc đẩy ứng dụng khoa học; đẩy mạnh nghiên cứu và triển khai; hạn chế việc nhập khẩu những mặt hàng trong nước có thể sản xuất được để tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho nông dân; cần có những chính sách mang tính chiến lược và bền vững, tăng cường sự hợp tác, liên kết giữa nông dân với nông dân, giữa nông dân với doanh nghiệp, giữa nông dân với nhà khoa học, và cơ quan quản lý

nhà nước; đảm bảo lợi ích, hạn chế rủi ro đối với các bên tham gia liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản, cũng như hướng dẫn và giám sát họ thực hiện có hiệu quả các hợp đồng liên kết; xoá bỏ tình trạng độc quyền; tạo điều kiện thuận lợi cho nông dân chuyển đổi cơ cấu sản xuất, giao dịch thị trường một cách tốt hơn và an toàn hơn.

Củng cố và khuyến khích sự hình thành các tổ chức, hội và hiệp hội trong hoạt động sản xuất, chế biến cũng như tiêu thụ các mặt hàng nông sản; xác định vai trò của tổ chức Hội Nông dân Việt Nam trong việc bảo vệ lợi ích chính đáng và hợp pháp cho người nông dân trong các tranh chấp thương mại quốc tế, nhất là việc nước ta hội nhập ngày càng sâu hơn vào nền kinh tế thế giới.

Thứ hai, về liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp (doanh nghiệp chế biến, doanh nghiệp thương mại, ngân hàng...): trên cơ sở xác định thị trường tiêu thụ các mặt hàng nông sản, nhất là khi sự phân biệt giữa thị trường trong nước và thị trường nước ngoài ngày càng thu hẹp thì các doanh nghiệp cần phát triển mở rộng và kết hợp hài hoà giữa thị trường nội địa và thị trường ngoài nước chứ không đơn thuần là định hướng thay thế thị trường nội địa bằng thị trường ngoài nước; định hướng đầu tư và tùy theo khả năng của mình, từng bước cải thiện mối liên kết giữa doanh nghiệp và nông dân, thực hiện việc tư vấn, trợ giúp nông dân về vốn, vật tư ban đầu và/ hoặc bao tiêu, chế biến nông sản với giá thỏa thuận, đáp ứng nhu cầu thị trường một cách hiệu quả nhất, đảm bảo lợi ích của doanh nghiệp và nông dân. Khi đã ký kết hợp đồng liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm phải đảm bảo "chữ tín", cùng nhau nghiêm túc thực hiện, trong trường hợp "rủi ro" xảy ra, theo các nội dung đã xác định trong hợp đồng, doanh

nh nghiệp cần có chính sách bồi thường thỏa đáng cho nông dân - đây được coi là một trong những tiêu chí quyết định sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp; ngược lại nông dân cũng phải có trách nhiệm thực hiện các cam kết đó. Nếu có các tranh chấp khi thực hiện hợp đồng, cần quy rõ trách nhiệm của các bên và xử lý theo điều khoản của hợp đồng, kể cả cần có sự can thiệp của Tòa án.

Về phía doanh nghiệp, các doanh nghiệp công nghiệp có quy mô vừa và nhỏ theo hướng cần ít vốn đầu tư và có khả năng tiếp nhận công nghệ hiện đại, thiết bị và kỹ thuật chế biến phù hợp nguyên liệu và giá thành rẻ, tập trung vào việc chế biến nông sản tại chỗ, kể cả một số doanh nghiệp gia công và chế biến nông sản ở thành phố, thị xã có thể di chuyển về nông thôn, đồng thời góp phần giải quyết việc làm cho số người thiếu việc làm ở nông thôn. Ở những nơi có điều kiện có thể xây dựng các khu vực công nghiệp tập trung, các điểm công nghiệp ở nông thôn, các làng nghề gắn với thị trường trong nước và xuất khẩu.

Về phía nông dân, bản thân nông dân phải tự lực vươn lên, nâng cao trình độ văn hoá, tìm hiểu về chính sách, pháp luật của nhà nước, đặc biệt là các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình trong việc thực hiện hợp đồng liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản, cũng như nắm bắt kịp thời thông tin về giá cả, thị trường; thay đổi tập quán sản xuất, liên kết với các doanh nghiệp, ngân hàng và nhà khoa học... để có điều kiện ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, xây dựng thương hiệu và nâng cao chất lượng mặt hàng nông sản qua công nghiệp chế biến đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Ngân hàng nên có chính sách huy động vốn và cho vay tín dụng một cách "thông

thoáng” hơn để đảm bảo hoạt động đầu tư sản xuất kinh doanh các mặt hàng nông sản, nhất là nguồn vốn để đầu tư phát triển nông sản hàng hoá tập trung.

Thứ ba, liên kết giữa nhà khoa học với nông dân, doanh nghiệp là giải pháp căn bản và bền vững nhất cho phát triển nông nghiệp nông thôn; nhà khoa học cần trợ giúp nông dân định hướng sản xuất, đầu tư thích đáng vào việc chuyển giao công nghệ cho người trực tiếp sản xuất, chẳng hạn như: công nghệ giống, công nghệ sinh học, công nghệ bảo quản chế biến sau thu hoạch... cung cấp và chịu trách nhiệm về kỹ thuật, công nghệ sinh học cho nông dân các loại giống mới, vật tư, phân bón và máy móc thiết bị sản xuất nhằm tạo ra bước nhảy vọt về năng suất, chất lượng và hiệu quả (năng suất cao, giá thành hạ...) của các mặt hàng nông sản. Nhà khoa học cung cấp công nghệ chế biến làm tăng giá trị của sản phẩm cho các doanh nghiệp công nghiệp chế biến... Ngược lại, nông dân và doanh

nh nghiệp cũng cần chủ động ứng dụng các thành tựu mới của khoa học, công nghệ vào sản xuất, kinh doanh.

Có thể nói, việc liên kết giữa nhà khoa học với nông dân, doanh nghiệp không chỉ mang lại năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế đối với các mặt hàng nông sản, mà còn là nơi để các nhà khoa học nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển giao các kết quả nghiên cứu.

Tóm lại, cùng với việc đảm bảo nguyên tắc “tự nguyện, bình đẳng và cùng có lợi” trong liên kết giữa các chủ thể trong nền kinh tế, Nhà nước cần có cơ chế, chính sách phù hợp, tạo môi trường thông thoáng khuyến khích mở rộng liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản giữa nông dân với doanh nghiệp, ngân hàng... và nhà khoa học nhằm mở rộng thị trường và nâng cao khả năng cạnh tranh của các mặt hàng nông sản, nhất là trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn ♦

Chú thích:

1. Đây là kết quả từ đơn đặt hàng của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh trong việc hỗ trợ chương trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp thành phố (*VnExpress*, ngày 09/8/2006).
2. Chỉ tính riêng vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong 3 năm (2003-2005) diện tích trồng lúa giảm gần 290 nghìn ha, nhưng sản lượng lúa năm 2005 vẫn đạt trên 19,1 triệu tấn, đóng góp trên 90% lượng gạo xuất khẩu của cả nước...
3. Nhà máy chế biến cà chua ở Hải Phòng, công suất 35.000 tấn/năm, nhưng sản phẩm của nông dân trên địa bàn chỉ cung cấp được 3.500 tấn, nhà máy phải thu mua cà chua ở các địa phương lân cận nhưng cũng không đủ nguyên liệu.
4. Dự án phát triển vùng nguyên liệu dừa Tây Nam, Thanh Hoá triển khai từ năm 2001, thông qua dự án vay của Nhà máy dừa Như Thanh, Thanh Hoá, theo hợp đồng thỏa thuận thì Nhà máy bán chổi giống dừa để người nông dân trồng, khi thu hoạch người nông dân phải bán dừa quả và chổi giống cho Nhà máy. Nhưng trên thực tế, Nhà máy đã không thực hiện cam kết mua chổi giống cũng như dừa quả cho người trồng dừa, chỉ tính riêng vụ dừa năm 2006, nông dân huyện Như Thanh, Thanh Hóa trồng hơn 1.500 ha dừa song không có đầu ra, dù đang là chính vụ, trong khi Nhà máy lại đang phải đóng cửa do khó khăn về tài chính, năng lực quản lý yếu kém, hoạt động trì trệ, không có khả năng thu mua và sản xuất. Hệ quả là đẩy người nông dân ở đây tới con đường nợ nần, còn Ngân hàng Nông

ngiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hoá lại đang đứng trước khả năng khó thu hồi vốn, với số nợ hơn 40 tỷ đồng đầu tư cho trồng dứa.

5. Xem thêm: Việt Anh, *Té ngửa vì hợp đồng*, Báo Nông nghiệp Việt Nam, số 147/2006: ... Công ty trách nhiệm hữu hạn Nam Việt ký hợp đồng tiêu thụ cá tra, cá basa với nông dân huyện Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ đã bỏ rơi nông dân ...
6. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã có Thông tư số 77 ngày 28/8/2002 hướng dẫn mẫu hợp đồng tiêu thụ nông sản gửi UBND, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn các địa phương.

Tài liệu Tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX, X*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001 -2006.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết Hội nghị Ban CHTW Đảng lần thứ 5 (khoá IX) về đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn thời kỳ 2001 - 2010*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
3. Nguyễn Kế Tuấn chủ biên, *Công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn ở Việt Nam: bước đi và giải pháp*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
4. Bùi Tất Thắng, *Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2006.
5. Nguyễn Xuân Dũng, *Một số định hướng đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam giai đoạn 2001-2010*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002.
6. *Niên giám Thống kê 2005*, Tổng cục Thống Kê, Hà Nội, 2006.
7. Bùi Bá Bổng, *Xây dựng mối liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản*, *Tạp chí Hoạt động khoa học*, No 03/2003, tr. 15,18.
8. Chu Tiến Quang, Lê Mạnh Hùng, *Công nghiệp chế biến nông sản trước xu thế hội nhập*, *Tạp chí Cộng sản*, số 27/2003.
9. Báo *Nông nghiệp Việt Nam*, các số tháng 7 và 8 năm 2006.
10. Benjamin, Dwayne, and Loren Brandt (2004) "Agriculture and income distribution in rural Vietnam under economic reforms: A tale of two regions". In *Economic Growth, Poverty and Welfare: Policy lessons from Vietnam*", ed. Paul Glewwe, Nisha Agrawal, and David Dollar (Washington DC: World Bank.
11. <http://www.vnexpress.net...>